

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/HS-ST

Ngày: 29-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Ngọc Điệp.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2022/TLST-HS ngày 24/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HS ngày 13/7/2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Minh T**, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Dương; Nơi ĐKKHKT: Số A, tổ B, khu phố C, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Trà Thanh T (chết); Chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/6/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội Cướp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2009/HS-ST.

- Ngày 26/10/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 98/2009/HS-ST là 06 năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2010/HS-ST. Ngày 08/9/2014, T chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2/ Họ và tên: **Lê Trường G**, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; Nơi ĐKKHKT: Số A, tổ B, khu phố C, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Trà Thanh T (chết); Chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 19/02/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 10 năm tù về tội Giết người, theo Bản án hình sự sơ thẩm số

05/2009/HS-ST. Ngày 31/8/2013, G chấp hành xong hình phạt. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Xã Liên T, huyện Lê T, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ hiện nay: Số D, đường Huỳnh Văn L, khu phố E, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường G, Lê Minh T và anh Lê Ngọc Th là anh em ruột và cùng cư trú tại Số A, tổ B, khu phố C, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 06/12/2021, trong lúc G và T đang ở nhà thì T hỏi mượn xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 61N2-5635 của anh Th để đi đến nhà bạn ở phường Phú M, thành phố T, tỉnh Bình Dương chơi thì anh Th đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi G điều khiển xe mô tô biển số 61N2-5635 chở T đi về nhà thì T nhìn thấy nhà số D, đường Huỳnh Văn L, khu phố E, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương đang trong tình trạng mở cửa và xung quanh vắng người nên T kêu G dừng xe lại và đứng ngoài cánh giới để T vào nhà tìm tài sản lấy trộm rồi bán kiếm tiền để cùng tiêu xài thì G đồng ý. Lúc này, T bước vào phòng khách và nhìn thấy 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 128GB, màu hồng của chị Trần Thị N để trên ghế nên T cầm điện thoại trên tay và đi ra ngoài. Khi T vừa bước ra tới cửa thì chị N đi từ phía sau nhà bước lên nhìn thấy và tri hô thì T nhanh chóng lên xe mô tô để G chở T tẩu thoát. Sau đó, T dùng điện thoại của T có số thuê bao 0334.141.040 gọi đến số thuê bao 0862.208.434 của một người nam tên T2 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để bán điện thoại thì T2 đồng ý và hẹn gặp T tại khu vực vòng xoay An P, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương. Đến nơi, T đưa T2 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng và T2 đưa T số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. T chia cho G số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng rồi G chở T đi về nhà. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe mô tô biển số 61N2-5635 chở T về đến nhà và trả xe mô tô cho anh Th, đồng thời T nói dối với anh Th là T và G bị một nhóm người đuổi theo để đánh nên kêu Th tháo đôi biển số xe mô tô và lồng xe mô tô màu đen để không bị phát hiện thì anh Th đồng ý và tháo biển số 61N2-5635 đồng thời lấy biển số 36K7-2523 mà T đã nhặt được trước đó gắn vào xe mô tô trên.

Đến khoảng 14 giờ 10 phút ngày 06/12/2021, chị Trần Thị N đến Công an phường Phú L trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Công an phường Phú L tiến hành xuống hiện trường nắm tình hình và truy tìm các đối tượng tình nghi thì nhận được thông tin từ Trưởng ban điều hành khu phố F, phường Phú L là anh Nguyễn Minh Q với nội dung là: Vào trưa ngày 06/12/2021, anh Q nhìn thấy một người nam điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 61N2-5635 chở theo một người nam đi vào nhà Số A, tổ B, khu phố C, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Công an phường Phú L đến địa điểm trên để mời hai đối tượng điều khiển xe mô tô biển số 61N2-5635 lên trụ sở làm việc nhưng chỉ gặp được anh Lê

Ngọc Th nên mời anh Th đến trụ sở làm việc. Sau khi làm việc, anh Th đã tự nguyện giao nộp 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 36K7-2523, số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126*, 01 (một) biển số 61N2-5635 và 01 (một) lồng xe mô tô màu đen. Ngày 07/12/2021, Công an phường Phú L chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 25/12/2021, Lê Minh T đến Công an phường Phú L để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 01 (một) áo tay dài, màu đen, nhãn hiệu ALLAN-NT, 01 (một) áo thun tay ngắn, màu đỏ, nhãn hiệu COUPLE TX, 01 (một) quần Jean, màu xanh-trắng nhãn hiệu DT Jean (là trang phục T mặc tại thời điểm gây án) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xám, có gắn sim số thuê bao 0334.141.040. Cùng ngày, Công an phường Phú L chuyển đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để xử lý theo thẩm quyền. Đến ngày 15/02/2022, Lê Trường G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 01 (một) cái quần vải ống dài, màu đen và 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc carô, màu đen-nâu-đỏ-vàng (là trang phục G mặc tại thời điểm gây án).

Căn cứ Bản kết luận định giá số 306/KLTS-TTHS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng (chưa thu hồi được) trị giá 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng của chị Trần Thị N, quá trình điều tra Lê Minh T và Lê Trường G đều khai nhận đã bán điện thoại di động trên cho người nam tên T2 sử dụng số thuê bao 0862.208.434. Ngày 31/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Lệnh thu giữ điện tín số 09/L-CSĐT-HS đối với thuê bao 0862.208.434 của T2 và số thuê bao 0334.141.040 của T nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau. Ngoài ra, do điện thoại không thu hồi được nên chị N yêu cầu T và G bồi thường số tiền 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Hiện T và G chưa bồi thường số tiền trên cho chị N.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1286, màu xám, có gắn sim số thuê bao 0334.141.040, số IMEI 1: 356944111019096, số IMEI 2: 356944111514096 mà Lê Minh T đã giao nộp, quá trình điều tra xác định T đã sử dụng điện thoại di động trên liên lạc cho người nam tên T2 để bán điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng đã lấy trộm được nên ngày 21/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126* và 01 (một) lồng xe màu đen là phụ kiện gắn trên xe mô tô, ngày 26/4/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương ra Kết luận giám định số 309A/KL-KTHS, kết luận xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, gắn biển số 36K7-2523 có số khung, số máy không đổi là số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126*. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương, kết quả xe mô tô có số khung, số máy như

trên chưa đăng ký thông tin theo quy định. Vào các ngày 28, 29/4 và 03/5/2022, Báo Tuổi Trẻ đăng tin truy tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô trên theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, nhưng không có bất kỳ cá nhân nào đến nhận. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với biển số xe mô tô 36K7-2523, ngày 05/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương biển số 36K7-2523, kết quả biển số 36K7-2523 là của xe mô tô hiệu TEAM, màu nâu, số khung DCG033TP008121, số máy 50FMG340093221 do anh Lê Xuân C, sinh năm 1984, địa chỉ tại xóm J, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua làm việc, anh C xác định biển số xe trên thì gia đình anh vẫn đang sử dụng, chưa bị mất trộm lần nào. Đối với biển số xe mô tô 61N2-5635, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương biển số 61N2-5635, kết quả biển số 61N2-5635 là của xe mô tô hiệu WOLDWELL, màu đỏ đen bạc, số khung Y358649, số máy 6358702 do anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1985, địa chỉ số H, Đại lộ Bình D, tổ K, khu phố L, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Quá trình làm việc, anh L khai nhận đã bán xe mô tô trên cho một người bạn ở thị xã T Uyên, tỉnh Bình Dương (anh L không rõ nhân thân, lai lịch) và chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xác định được chủ sở hữu biển số xe mô tô 36K7-2523 và biển số xe mô tô 61N2-5635, đồng thời 02 (hai) biển số này không có giá trị sử dụng nên ngày 21/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) áo tay dài, màu đen, nhãn hiệu ALLAN-NT, 01 (một) áo thun tay ngắn, màu đỏ, nhãn hiệu COUPLE TX, 01 (một) quần Jean, màu xanh-trắng nhãn hiệu DT Jean mà Lê Minh T đã giao nộp và 01 (một) cái quần vải ống dài, màu đen, 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc carô, màu đen-nâu-đỏ-vàng mà Lê Trường G đã giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của T và G nên ngày 21/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án giao trả cho T và G.

Cáo trạng số 119/CT-VKS-HS ngày 23/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Lê Minh T và Lê Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Minh T mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Trường G mức hình phạt từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Minh T và Lê Trường G có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại chị Trần Thị N giá trị điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng đã trộm cắp là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, model TA-1286, màu xám, có gắn sim số thuê bao 0334.141.040, số IMEI 1: 356944111019096, số IMEI 2: 356944111514096 của Lê Minh T.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126*.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) lồng xe màu đen; biển số xe mô tô 36K7-2523 và biển số xe mô tô 61N2-5635.

- Trả lại cho bị cáo Lê Minh T 01 (một) áo tay dài, màu đen, nhãn hiệu ALLAN-NT; 01 (một) áo thun tay ngắn, màu đỏ, nhãn hiệu COUPLE TX; 01 (một) quần Jean, màu xanh-trắng nhãn hiệu DT Jean.

- Trả lại cho bị cáo Lê Trường G 01 (một) cái quần vải ống dài, màu đen; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc carô, màu đen-nâu-đỏ-vàng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 10/4/2022 Cơ quan điều tra ban hành Bản kết luận điều tra số 97/KLĐT-CQCSĐT-HS, nhưng đến ngày 08/6/2022 Cơ quan điều tra mới chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát là đã vi phạm thời hạn giao hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại, kết luận định giá cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 06/12/2021, tại nhà số D, đường Huỳnh Văn L, khu phố E, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Minh T và Lê Trường G đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, loại 128GB, màu hồng trị giá 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng của bị hại chị Trần Thị N. Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo đủ

năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét các bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án xử phạt nhưng vẫn không tích cực cải tạo. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người nảy sinh ý định, rủ rê G đi chiếm đoạt tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và là người mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Bị cáo G là người điều khiển phương tiện chở bị cáo T đi tìm tài sản lấy trộm, giữ vai trò cảnh giới. Do đó, bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo G.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh T và Lê Trường G đồng ý liên đới bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo yêu cầu của bị hại chị Trần Thị N. Xét đây là sự tự nguyện của các bị cáo và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo T và G phải liên đới bồi thường cho chị N số tiền là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, model TA-1286, màu xám, số IMEI 1: 356944111019096, số IMEI 2: 356944111514096 thu giữ của Lê Minh T là phương tiện T đã sử dụng để liên lạc cho người nam tên T2 bán tài sản trộm cắp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126*, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương, kết quả xe mô tô có số khung, số máy như trên không tìm thấy dữ liệu tra cứu, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng và tiến hành đăng báo 03 kỳ trên 3 số báo liên tiếp mà không ai đến nhận. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương làm thủ tục tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) lồng xe màu đen; biển số xe mô tô 36K7-2523 và biển số xe mô tô 61N2-5635 là vật chứng không sử dụng được nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) áo tay dài, màu đen, nhãn hiệu ALLAN-NT, 01 (một) áo thun tay ngắn, màu đỏ, nhãn hiệu COUPLE TX, 01 (một) quần Jean, màu xanh-trắng nhãn hiệu DT Jean là tài sản của Lê Minh T; 01 (một) cái quần vải ống dài, màu đen, 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc carô, màu đen-nâu-đỏ-vàng là tài sản của Lê Trường G, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và G nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho T và G.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Lê Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Về hình phạt:

2.1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

2.2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Trường G 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Lê Minh T và Lê Trường G có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền là 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1286, màu xám, số IMEI1: 356944111019096, số IMEI2: 356944111514096 (không kiểm tra chi tiết bên trong, tình trạng hoạt động).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) lồng xe màu đen; 01 (một) biển số xe mô tô 36K7-2523 và 01 (một) biển số xe mô tô 61N2-5635.

- Giao 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, số khung VTTDCHOA4TT*134126*, số máy VTT1P52FMH*134126* (không kiểm tra chi tiết bên trong, tình trạng hoạt động) cho Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê Minh T 01 (một) áo tay dài, màu đen, nhãn hiệu ALLAN-NT; 01 (một) áo thun tay ngắn, màu đỏ, nhãn hiệu COUPLE TX; 01 (một) quần Jean, màu xanh-trắng nhãn hiệu DT Jean.

- Trả lại cho bị cáo Lê Trường G 01 (một) cái quần vải ống dài, màu đen; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay sọc carô, màu đen-nâu-đỏ-vàng.

(Thể hiện tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 122.22 ngày 21/6/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và Công an thành phố T).

5/ Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.175.000 (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung